TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2017
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoài Nam

2. Ông Lê Văn Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm: 1950. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã Q1, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1955. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q1, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/6/2017, bản tự khai và đơn đề nghị, nguyên đơn là ông Nguyễn Thế H, trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là bà Nguyễn Thị S chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/1986 nhưng không đăng ký kết hôn và cũng không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Ông H và bà S sống chung đến năm 1988 thì sống ly thân, lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và ông đi bộ đội đến năm 1998 trở về địa phương sinh sống, nhưng giữa Ông và bà S vẫn sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, nên ông H có nguyện vọng ly hôn bà Nguyễn Thị S.

Tại Bản tự khai, đơn đề nghị, bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà và ông Nguyễn Thế H chung sống với nhau từ năm 1986, chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán mà không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức cưới ông bà sống chung được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông

H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Bà và ông H sống ly thân từ năm 1988 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông H làm đơn ly hôn, Bà đồng ý ly hôn ông H.

Về con chung: Ông H và bà S đều trình bày ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 30/4/1988 và Nguyễn Thị Thanh H2, sinh ngày 30/4/1988. Hiện nay hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Ông H và bà S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H và bà S đều có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Thế H và bà Lê Thị S đều có hộ khẩu thường trú ở xã Q1, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương. Tại phiên tòa hôm nay, ông H và bà S đều có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông H và bà S đều thống nhất ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/1986 và đã có 02 con chung. Tuy ông bà có đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm của pháp luật nhưng ông bà không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Như vậy căn cứ vào điểm a Điều 3 Nghị quyết 03/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì hôn nhân giữa ông H và bà S được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Ông H và bà S đều thống nhất, ông bà chung sống được khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân năm 1988 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy ông H và bà S đều có nguyện vọng ly hôn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng thực tế tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho ông H được ly hôn bà S là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung**:** Ông H và bà S có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 30/4/1988 và Nguyễn Thị Thanh H2, sinh ngày 30/4/1988. Hiện nay hai con đã trưởng thành nên ông H và bà S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ: Ông H và bà S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Thế H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Áp dụng: - Điểm a Điều 3 Nghị quyết 03/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Thế H ly hôn bà Lê Thị S.

* Về con chung: Ông H và bà S có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 30/4/1988 và Nguyễn Thị Thanh H2, sinh ngày 30/4/1988. Hiện nay hai con đã trưởng thành nên ông H và bà S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản: Ông H và bà S không yêu cầu giải quyết.

* Về án phí: Ông H phải chịu 300.000^{đ} án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ông đã nộp là 300.000^{đ} theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/04866 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Ông H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã Q1, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lê Thị Hiệu